

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/DS-PT

Ngày 29/5/2018

*“V/v tranh chấp ranh giới
QSD đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Hà Nam.

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu

Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đinh Văn Bình - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp ranh giới QSD đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2018/QĐXX-PT ngày 16 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Xóm 11 xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Thái C, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số nhà 18 ngõ 317 H, pH L, Quận B, TP Hà Nội.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T2 - Sinh năm 1934.

Địa chỉ: Xóm 11 xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thị N, sinh năm 1966.

- Anh Phạm Văn B, sinh năm 1984.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1939.

- Chị Trần Thị Th, sinh năm 1989.

Đều trú tại: Xóm 11 xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

(Ông T2, bà H, chị Th đều ủy quyền cho anh Phạm Văn B).

Tại phiên tòa: Anh T1, chị N, ông Cơ, ông T2, anh B có mặt. Bà H, chị Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 02 năm 2017, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 14/02/2017 và ngày 18/4/2017, bản tự khai ngày 07/3/2017 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Văn T1 trình bày: Gia đình anh và hộ ông Phạm Văn T2 (chú ruột anh) là hai hộ sử dụng đất liền kề, cùng sinh sống trên thửa đất của ông bà nội anh để lại. Hộ ông Phạm Văn T2 xây dựng nhà trên đất năm 1972, sau đó đến năm 1987 anh cũng xây dựng nhà trên nền móng nhà ở cũ của bố mẹ anh để lại. Trước khi làm nhà anh có thỏa thuận với ông T2 là để một lối đi chung (kẽm) giữa hai đầu hồi nhà của hai bên có khoảng cách T2 2m đến 2,5m. Đến năm 1998 hộ của anh và hộ của ông T2 được Ủy ban nhân huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cho đến giữa năm 2016, anh Phạm Văn B con trai ông Phạm Văn T2 xây dựng nhà trên đất của ông T2, đã xây lấn sang phần đất của gia đình anh với diện tích khoảng 34 m² đất bao gồm: 0,9 x 21 = 18,9 m² phía trước ngôi nhà và 0.5 x 30 = 15 m² phía sau ngôi nhà. Nay anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, buộc gia đình ông T2 dỡ bỏ nhà và các công trình xây dựng trên đất đi chung và lấn sang đất của gia đình anh, giữ nguyên hiện trạng ranh giới đất như trước khi tranh chấp cụ thể lấy giữa khoảng cách hai ngôi nhà để vạch đường ranh giới, buộc bị đơn bồi thường thiệt hại cho gia đình anh do xây nhà làm rạn nứt nhà ở của gia đình anh, đề nghị Tòa án cho giám định xây để xác định thiệt hại. Riêng yêu cầu về giám định xây dựng để xác định thiệt hại làm căn cứ bồi thường, ngày 05 tháng 5 năm 2017 anh T1 có đề nghị Tòa án xem xét thẩm định, định giá xác định thiệt hại nếu không xác định được anh sẽ khởi kiện bằng vụ án khác lúc đó sẽ yêu cầu giám định xây dựng. Ngày 03 tháng 8 năm 2017 anh T1 nộp giấy ủy quyền lập ngày 31 tháng 5 năm 2017 ủy quyền cho ông Phạm Thái C tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai ngày 04/8/2017, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 09/8/2017 cũng như tại phiên tòa ông Phạm Thái C trình bày: Ông là anh rể của anh T1, về nguồn gốc đất gia đình anh T1 đang ở là đất của cụ Phạm Văn Tr sau khi chết để lại cho con là ông Phạm Văn T (bố anh T1), anh T1 là con trai út của ông bà T hiện ông bà T đều đã chết. Ông bà T sinh được năm người con (bốn người đều có văn bản nộp cho Tòa án là không tranh chấp thửa đất này đối với anh T1). Đến năm 1987 vợ chồng anh T1 xây nhà và sử dụng cho tới nay, hiện đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998. Ông giữ nguyên câu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2017 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Phạm Văn T2 trình bày: Nguồn gốc đất của ông và anh T1 đang sử dụng là do cụ Phạm Văn Tr (bố đẻ của ông) để lại cho ông và anh trai của ông là ông

Phạm Văn T (bố anh T1). Sau khi bố mẹ mất để lại thửa đất cho ông và ông T sử dụng, trên thửa đất có 01 ngôi nhà đất nằm chính giữa. Hai anh em ông thống nhất lấy vách tường chính giữa của ngôi nhà làm mốc để phân định ranh giới. Đến năm 1972 ông lấy vợ tách ra làm nhà riêng bên phần đất của mình và có để lối đi (kẽm) khoảng 2m giữa 2 nhà để ra vườn sau nhà. Ông T mất để lại ngôi nhà cho anh T1, năm 1987 anh T1 phá nhà đất xây nhà mới trên nền móng ngôi nhà đất mà không trả lại phần đất cho ông tính T2 vách giữa ngôi nhà đất về phía nhà ông cho ông, năm 1998 cả 2 hộ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2016 ông đồng ý cho con trai là Phạm Văn B xây dựng nhà và các công trình trên đất của ông thì xảy ra tranh chấp. Việc anh T1 kiện ông và con trai ông xây dựng nhà lấn sang đất nhà anh T1 là không có căn cứ, việc anh T1 đề nghị lấy kẽm trên diện tích đất vạch đường ranh giới là không đúng. Ông đề nghị Tòa án bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ranh giới đất của nhà ông và nhà anh T1 theo đúng bản đồ địa chính. Ngày 06/6/2017 ông lập văn bản ủy quyền cho anh Phạm Văn B tham gia giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2017 biên bản hòa giải ngày 09/8/2017 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn B trình bày: Nguồn gốc thửa đất hiện tại gia đình anh đang ở là của cụ Phạm Văn Tr để lại cho bố mẹ anh là ông bà Phạm Văn T2, đầu năm 2016 vợ chồng anh được bố mẹ anh cho phép xây dựng nhà và tường bao xung quanh trên diện tích đất của gia đình, trước khi xây anh có làm đơn đề nghị UBND xã Giao Hương đến khảo sát xác định ranh giới giữa thửa đất của gia đình anh và đất của hộ anh T1. Anh xây dựng trong thời gian gần 01 năm, trong quá trình xây dựng phần thô hai bên không có tranh chấp gì đến phần hoàn thiện trát áo mặt ngoài phần giáp nhà anh T1, thì anh T1 và gia đình gây khó khăn. Nay anh T1 khởi kiện cho là anh đã xây sang phần ngõ đi chung và xây lấn sang đất nhà anh T1, anh không đồng ý vì anh hoàn toàn đã xây dựng đúng trên phần đất của bố mẹ anh, về phần xây dựng toàn bộ trên đất là tài sản của vợ chồng anh. Anh đề nghị Tòa án bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ranh giới đất giữa gia đình anh và gia đình anh T1 theo đúng bản đồ địa chính.

Theo nội dung đơn đề nghị ngày 11/7/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị N trình bày: Chị là vợ anh Phạm Văn T1, về nguồn gốc thửa đất vợ chồng chị đang ở bị lấn chiếm là của bố mẹ chồng chị (ông bà Phạm Văn T) cho T2 năm 1986 khi chị về làm dâu, năm 1987 vợ chồng chị đã xây nhà trên khuôn viên thửa đất, năm 1998 thì Nhà nước cấp sổ đỏ cho vợ chồng. Cuối năm 2015 đầu năm 2016 anh B là con trai ông T2 dỡ nhà cũ xây nhà mới đã lấn chiếm sang đất của vợ chồng chị. Nay chị đề nghị Tòa án yêu cầu anh B phải tháo dỡ nhà và công trình mà anh B đã xây lấn chiếm sang phần đất nhà chị. Vì công việc bận chị xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Th trình bày: Chị là vợ anh Phạm Văn B vợ chồng chị kết hôn vào năm 2007, hiện vợ chồng chị đã làm nhà trên đất của bố mẹ chồng (ông bà Phạm Văn T2). Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất chị không biết chỉ biết là của bố mẹ chồng. Nay anh T1 hộ liền kề khởi kiện tranh chấp ranh giới cho là vợ chồng chị đã xây dựng lấn chiếm trên phần đất của gia đình anh. Vì công việc bận rộn chị không tham gia giải quyết vụ án, chị xin được vắng mặt. Chị ủy quyền cho chồng chị là anh Phạm Văn B tham gia giải quyết vụ án.

Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 11/7/2017 và tài liệu chứng cứ do UBND xã Giao Hương cung cấp: Về nguồn gốc hiện tại do ông Phạm Văn T2 và anh Phạm Văn T1 đang sử dụng là của cụ Phạm Văn Tr (là bố đẻ của ông Phạm Văn T2 và ông Phạm Văn T) ông T là bố đẻ của anh T1. Tại tờ bản đồ năm 1988 đã thể hiện chủ sử dụng là ông T2 và ông T (phần đất của cụ Tr tách làm hai phần). Năm 1997 sau khi tiến hành khảo sát đo đạc hộ ông Phạm Văn T2 và hộ anh Phạm Văn T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định số; 460/QĐ - UB của UBND huyện Giao Thủy ngày 01/7/1998 cấp đại trà cho 2057 hộ của xã Giao Hương và được thể hiện trên bản đồ địa chính năm 1998 (tờ bản đồ số 30), hộ ông Phạm Văn T2 thửa số 6 diện tích 1000 m², hộ anh Phạm Văn T1 thửa số 7 diện tích 1030 m². Khoảng đầu năm 2016 anh B xây dựng ngôi nhà 2 tầng trên diện tích đất của ông T2 thì hai bên mới xảy ra tranh chấp. Trước khi xây dựng chưa xin phép UBND xã nên khi xảy ra tranh chấp UBND xã mới biết. Ngày 06/7/2016 UBND xã Giao Hương căn cứ đơn đề nghị ngày 26/02/2016 của hộ ông Phạm Văn T2 đề nghị xác định ranh giới, tại biên bản làm việc anh T1 cho là T2 trước đến nay gia đình anh chỉ sử dụng phần đất của bố mẹ để lại. Khi xây nhà cũng xây dựng trên nền cũ và không lấn chiếm đất của ông T2, nhưng anh T1 không ký biên bản.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản tranh chấp kết quả như sau:

Về diện tích đất các hộ thực tế đang sử dụng: Hộ ông T2 926,565 m²; Hộ anh T1 1118,175 m².

Về đất theo anh T1 chỉ mốc giới cho rằng hộ ông T2 xây dựng lấn chiếm tổng là: 27,65 m²; Về giá trị xây dựng trên 27,65 m² đất mà hộ ông T2 đã xây dựng tổng là: 52.513.000 đồng. Về xác định thiệt hại do bị đơn xây nhà làm nứt nhà nguyên đơn qua thẩm định không xác định được thiệt hại. Móng nhà anh T1 xây giạt cấp cách mặt tường phía ngoài 0,2m. Tường nhà và tường bao nhà anh B xây móng thẳng đứng.

Về giá chuyển nhượng quyền sử dụng ở địa phương là: 300.000 đồng/m².

T2 nội dung trên, bản án sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của TAND huyện Giao Thủy đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 175 và Điều 176 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Điều 147, 157, 165, khoản 1 Điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T1 về việc buộc hộ ông Phạm Văn T2 tháo dỡ công trình xây dựng trả lại cho anh 27,65m² đất.

- Ranh giới giữa hộ ông Phạm Văn T2 và hộ anh Phạm Văn T1 được xác định như sau: Lấy góc ngoài cùng tường bao do anh B xây dựng giáp với đường dong kéo theo mặt ngoài tường bao bao về phía bắc (phía sông) dài 20,3m, đến đoạn gấp khúc 1,1m lấy cách tường nhà anh B 0,2m kéo 01 đường thẳng cách đều 0,2m về phía bắc (phía sông) dài 21,9m, còn ranh giới nối tiếp phía sau nhà là mặt phía ngoài của tường bao anh B đã xây cho đến hết thửa đất. (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2017, ông Phạm Văn T2 làm đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ gia đình ông T2 với hộ anh Phạm Văn T1, đề nghị cấp phúc thẩm xác định ranh giới đất giữa hộ gia đình ông T2 với hộ anh T1 đúng theo bản đồ địa chính và hồ sơ địa chính của các cấp là một đường thẳng T2 mốc phía trước tới mốc phía sau. Phần diện tích đất còn thiếu của hộ gia đình tôi là 74,435 m² hiện nay hộ gia đình anh T1 đang sử dụng, vẫn tiếp tục được quyền sử dụng với điều kiện gia đình anh T1 phải trả lại ngay sau khi gia đình anh T1 không còn có nhu cầu sử dụng (ngay sau khi gia đình anh T1 đập bỏ nhà cũ hiện tại).

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Phạm Văn T2 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Nam Định phát B về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị: Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015. Xử bác đơn kháng cáo ông Phạm Văn T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa: Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Phạm Văn T2 được làm trong thời hạn luật định, do vậy được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Phạm Văn T2, Hội đồng xét xử thấy: Về nguồn gốc đất tranh chấp giữa các bên là đất của cụ Phạm Văn Tr sau khi chết để

lại cho 02 con là ông Phạm Văn T2 và ông Phạm Văn T sử dụng (anh T1 là con của ông T), tại tờ bản đồ năm 1988 của xã Giao Hương đã thể hiện chủ sử dụng là ông T2 và ông T (phần đất của cụ Tr tách làm hai phần). Năm 1997 sau khi tiến hành khảo sát đo đạc hộ ông Phạm Văn T2 và hộ anh Phạm văn T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định số: 460/QĐ - UB của UBND huyện Giao Thủy ngày 01/7/1998 cấp đại trà cho 2057 hộ của xã Giao Hương và được thể hiện trên bản đồ địa chính năm 1998 (tờ bản đồ số 30), hộ ông Phạm Văn T2 thửa số 6 diện tích 1000 m², hộ anh Phạm Văn T1 thửa số 7 diện tích 1030 m². Quá trình sử dụng đất hai bên đi chung ngõ rộng khoảng 2m T2 đường dọc đến hết thửa đất, nhưng theo ông T2 năm 1972 ông làm nhà ông để lối đi ra vườn sau, còn anh T1 cho rằng năm 1987 anh xây nhà trên nền móng nhà cũ của bố mẹ anh và có thỏa thuận với ông T2 là để lối đi chung. Như vậy lối đi chung có trước năm 1987 như ông T2 khai là phù hợp. Đến năm 2016 ông T2 cho con trai là anh Phạm Văn B làm nhà trên đất thì anh T1 cho rằng anh B đã xây nhà lấn sang đất của gia đình anh, anh yêu cầu phải dỡ bỏ phần xây lấn chiếm trả lại đất cho anh tổng là 27,65 m². Cấp sơ thẩm tiến hành khảo sát thực địa thì dậu ngõ và gạch nát ngõ các bên đã dỡ bỏ không xác định được mốc giới và diện tích. Theo bản đồ địa chính xã Giao Hương năm 1998 không thể hiện ngõ đi chung của hai hộ, tiếp giáp tứ cận không có số đo. Căn cứ diện tích đất các bên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ anh T1 là 1030 m² nhưng diện tích đất thực tế đang sử dụng là 1118,175 m², như vậy đất của hộ anh T1 sử dụng diện tích nhiều hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn hộ ông T2 thực tế sử dụng là 926,565 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1000 m², như vậy hộ ông T2 thiếu đất. Cho nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh T1 đòi hộ ông T2 trả cho anh 27,65 m² đất là có căn cứ. Mặt khác trên thực tế ở cạnh liền kề giữa hai hộ, về phía gia đình anh T1 đã xây dựng nhà T2 năm 1987, còn về phía gia đình ông T2 đã cho vợ chồng anh B xây dựng nhà T2 năm 2016. Như vậy trên thực tế về ranh giới giữa hai gia đình ông T2 và anh T1 đã được xác lập thông qua các vật kiến trúc như tường nhà mái bằng của hai gia đình, hệ thống tường bao do vợ chồng anh B xây dựng. Do đó cần tôn trọng và giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của các bên đương sự. Đối với nội dung kháng cáo của ông T2 cho rằng hiện nay diện tích đất của gia đình ông còn thiếu 74,435 m², hiện tại do hộ gia đình anh T1 lấn chiếm sử dụng. Xét thấy đây là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chưa được xem xét giải quyết ở cấp sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 72; khoản 1 Điều 146; Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không đề cập giải quyết.

[3] T2 nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn T2, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận cho nên ông Phạm Văn T2 phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ vào Điều 175 và Điều 176 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Điều 147, 157, 165, khoản 1 Điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T1 về việc buộc hộ ông Phạm Văn T2 tháo dỡ công trình xây dựng trả lại cho anh 27,65m² đất.

- Ranh giới giữa hộ ông Phạm Văn T2 và hộ anh Phạm Văn T1 được xác định như sau: Lấy góc ngoài cùng tường bao do anh B xây dựng giáp với đường dọc kéo theo mặt ngoài tường bao bao về phía bắc (phía sông) dài 20,3m, đến đoạn gấp khúc 1,1m lấy cách tường nhà anh B 0,2m kéo 01 đường thẳng cách đều 0,2m về phía bắc (phía sông) dài 21,9m, còn ranh giới nối tiếp phía sau nhà là mặt phía ngoài của tường bao anh B đã xây cho đến hết thửa đất. (có sơ đồ kèm theo).

2. Về án phí:

Anh Phạm Văn T1 phải nộp 410.000 đồng, số tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T1 đã nộp theo biên lai thu số 07556 ngày 22/02/2017 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy được đối trừ, nay còn phải nộp tiếp 110.000 đồng.

Ông Phạm Văn T2 phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T2 đã nộp theo biên lai thu số 07675 ngày 16/10/2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy.

3. Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản anh Phạm Văn T1 phải nộp 2.000.000 đồng (đã nộp).

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Giao Thủy;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- C.C THADS huyện Giao Thủy;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Hà Nam

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nam Định, ngày 29 tháng 5 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 15 phút, ngày 29 tháng 5 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Hà Nam**

Các thẩm phán: **Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết**

Bà Vũ Thị Thu

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 70/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Xóm 11 xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Thái Cơ, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số nhà 18 ngõ 317 H, pH L, Quận B, TP Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T2 - Sinh năm 1934.

Địa chỉ: Xóm 11 xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thị N, sinh năm 1966.

- Anh Phạm Văn B, sinh năm 1984.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1939.

- Chị Trần Thị Th, sinh năm 1989.

Đều trú tại: Xóm 11, xã Giao Hương, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

(Ông T2, bà H, chị Th đều ủy quyền cho anh Phạm Văn B).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, B QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Ý kiến của bà Vũ Thị Thu:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 175 và Điều 176 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Điều 147, 157, 165, khoản 1 Điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T1 về việc buộc hộ ông Phạm Văn T2 tháo dỡ công trình xây dựng trả lại cho anh 27,65m² đất.

- Ranh giới giữa hộ ông Phạm Văn T2 và hộ anh Phạm Văn T1 được xác định như sau: Lấy góc ngoài cùng tường bao do anh B xây dựng giáp với đường dọc kéo theo mặt ngoài tường bao bao về phía bắc (phía sông) dài 20,3m, đến đoạn gấp khúc 1,1m lấy cách tường nhà anh B 0,2m kéo 01 đường thẳng cách đều 0,2m về phía bắc (phía sông) dài 21,9m, còn ranh giới nối tiếp phía sau nhà là mặt phía ngoài của tường bao anh B đã xây cho đến hết thửa đất. (có sơ đồ kèm theo).

Ý kiến của ông Vũ Hà Nam và bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bà Thu như đã nêu trên.

Kết quả B quyết 3/3 = 100%.

Ý kiến của bà Vũ Thị Thu:

- Về án phí:

Anh Phạm Văn T1 phải nộp 410.000 đồng, số tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T1 đã nộp theo biên lai thu số 07556 ngày 22/02/2017 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy được đối trừ, nay còn phải nộp tiếp 110.000 đồng.

Ông Phạm Văn T2 phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T2 đã nộp theo biên lai thu số 07675 ngày 16/10/2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy.

Ý kiến của ông Vũ Hà Nam và bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bà Thu như đã nêu trên.

Kết quả B quyết 3/3 = 100%.

Ý kiến của bà Vũ Thị Thu:

- Về lệ phí: Anh Phạm Văn T1 phải nộp 2.000.000 đồng tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. (Anh T1 đã nộp đủ số tiền này).

Ý kiến của ông Vũ Hà Nam và bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bà Thu như đã nêu trên.

Kết quả B quyết 3/3 = 100%.

Biên bản lập xong, đã thông qua cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe rõ và nhất trí ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bạch Tuyết Vũ Thị Thu

Vũ Hà Nam

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy: 01 bản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Lâm

